

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày 14-9-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thiệu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-DS, ngày 02/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021; và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2021/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn HD.

Trụ sở: Thôn 8, xã NC, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trần Ng – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Mạnh T – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, phường NT, thành phố GN, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 1, xã ĐNg, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Đức H đã nhiều lần mua

nợ phân bón của Công ty trách nhiệm hữu hạn HD (gọi tắt là công ty), đến ngày 11/01/2019 giữa công ty và anh Nguyễn Đức H đã lập biên bản xác nhận công nợ, theo đó anh Nguyễn Đức H còn nợ lại công ty số tiền 36.200.000đ, hẹn trả hết nợ vào cuối mùa cà phê năm 2019, anh H phải chịu lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 11/01/2019. Trong giấy xác nhận công nợ chỉ có một mình anh H ký nhận nợ. Đến hạn trả nợ anh H không trả được nợ mà cố tình né tránh nên công ty đã khởi kiện tại Tòa án đề nghị Tòa án buộc anh H trả nợ gốc và lãi phát sinh với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 11/01/2019 cho đến ngày xét xử. Quá trình làm việc, anh H cam kết sẽ trả nợ cho công ty vào cuối tháng 3 năm 2021. Tuy nhiên, đến ngày 12/4/2021, anh H mới trả được cho công ty số tiền 15.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại số tiền 21.200.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Vì vậy, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức buộc anh Nguyễn Đức H trả cho công ty số tiền nợ gốc do mua bán phân là 21.200.000đ và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng theo thỏa thuận kể từ ngày 11/01/2019 đến nay, không yêu cầu số tiền phạt đã thỏa thuận là 5.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh H thừa nhận có mua nợ phân bón của Công ty trách nhiệm hữu hạn HD, tính đến ngày 11/01/2019 còn nợ lại công ty số tiền 36.200.000đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Hai bên có lập giấy xác nhận công nợ, tôi là người ký nhận, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, hạn trả nợ là cuối mùa cà phê năm 2019, không có thỏa thuận về tiền phạt do chậm trả nợ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) như nguyên đơn trình bày. Anh H đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng do điều kiện khó khăn, anh H chưa trả được tiền nợ cho Công ty nên đề nghị được trả số nợ gốc và lãi theo thỏa thuận vào cuối tháng 3 năm 2021.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh H tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 1, khoản 3 Điều 357; Điều 430; khoản 1, khoản 3 Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn HD:

- Số tiền nợ gốc do mua bán phân bón là 21.200.000đ.

- Tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 12/01/2019 đến ngày 31/12/2019, cụ thể : $36.200.000đ \times 1,5\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 6.316.900đ$.

- Tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm đối với với số tiền 36.200.000đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 12/4/2021, cụ thể: $36.200.000đ \times 10\%/năm \times 15 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 4.635.611đ$.

- Tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 21.200.000đ từ ngày 13/4/2021 đến ngày xét xử (ngày 14/9/2021), cụ thể: $21.200.000đ \times 10\%/năm \times 05 \text{ tháng} = 883.333đ$.

Tổng cộng số tiền anh Nguyễn Đức H phải trả cho Công ty TNHH HD là 33.035.500đ (làm tròn số).

Đối với chị Ninh Thị T là vợ của anh Nguyễn Đức H, nguyên đơn không yêu cầu trả nợ nên không đề cập giải quyết. Đối với số tiền phạt do chậm trả nợ là 5.000.000đ ghi trong giấy xác nhận công nợ đề ngày 11/01/2019, nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy xác nhận công nợ đề ngày 11/01/2019, là chứng cứ mà các bên đương sự đều thừa nhận, không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty trách nhiệm hữu hạn HD (Công ty) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức H phải trả số tiền mua bán phân bón còn nợ, giấy xác nhận công nợ được xác lập vào ngày 11/01/2019, thời hạn trả nợ là cuối năm 2019; do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 12/10/2020 Công ty khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Đức H có hộ khẩu thường trú tại bản thôn 1, xã ĐNg, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận công nợ được lập ngày 11/01/2019, thời hạn trả tiền là cuối năm 2019, ngày 12/10/2020 Công ty khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết đề nghị Tòa án buộc anh H trả nợ. Do vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự (BLDS).

[4] Xét hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự và yêu cầu của nguyên đơn: Việc mua bán phân bón giữa Công ty với anh H diễn ra nhiều lần, trong một

thời gian dài, số tiền còn nợ lại được thể hiện qua giấy xác nhận công nợ đề ngày 11/01/2019 có chữ ký của người mua là anh H, anh H thừa nhận số tiền nợ của Công ty 36.200.000đ là có thật và thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy xác nhận công nợ là do mình ký nhận, anh H thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, đồng ý trả nợ cho công ty. Như vậy, việc Công ty khởi kiện yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Điều 430 BLDS quy định:

Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.

Điều 434 BLDS quy định:

Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận.

Điều 440 BLDS quy định :

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

...

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/4/2021, anh H đã trả cho Công ty số tiền 15.000.000đ, vì vậy cần buộc anh H trả số tiền nợ gốc còn lại là 21.200.000đ.

[5] Về lãi suất: Ngày lập giấy xác nhận công nợ, các đương sự thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Về lãi suất chậm trả nợ các bên không có thỏa thuận nên cần áp dụng Điều 440 BLDS quy định về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm để tính tiền lãi chậm trả, cụ thể:

- Tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 12/01/2019 đến ngày 31/12/2019, cụ thể: $36.200.000đ \times 1,5\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 6.316.900đ$.

- Tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 36.200.000đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 12/4/2021, cụ thể: $36.200.000đ \times 10\%/năm \times 15 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 4.635.611đ$.

- Tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 21.200.000đ từ ngày 13/4/2021 đến ngày xét xử (ngày 14/9/2021), cụ thể: $21.200.000đ \times 10\%/năm \times 05 \text{ tháng} = 883.333đ$.

Tổng cộng số tiền anh Nguyễn Đức H phải trả cho Công ty là 33.035.500đ (làm tròn số).

[6] Đối với chị Ninh Thị T là vợ của anh Nguyễn Đức H, nguyên đơn không yêu cầu trả nợ nên không đề cập giải quyết. Đối với số tiền phạt do chậm trả nợ là 5.000.000đ ghi trong giấy xác nhận công nợ đề ngày 11/01/2019, nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Công ty số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 434; khoản 1, khoản 3 Điều 440; Điều 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn HĐ. Buộc anh Nguyễn Đức H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn HĐ số tiền 33.035.500đ (Ba mươi ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng), nợ lãi là 11.835.500đ (Mười một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Đức H phải chịu 1.651.500đ (Một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn HĐ số tiền 1.188.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001273 ngày 30/10/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

UNR eSISTEM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

UNREGISTERED